TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14.6.2024.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Hồng Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Chánh Ngôn**.

2. Ông **La Minh Công**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Thúy Hoài** – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà **Cao Thị Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1978. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Bị đơn**: Ông **Trần Văn H2**, sinh năm: 1977. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Văn H2 chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 14/2017 ngày 31.3.2017.

Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Văn H2 hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong

cuộc sống chung. Ông Trần Văn H2 thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn cả ngày rồi còn nghe lời người ngoài rồi về nhà kiếm chuyện chửi bới bà H1, gia đình bà H1 rất thậm tệ và bỏ nhà đi ở nhà này, nhà kia nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hai người đã không còn sống chung từ tháng 7/2023 đến nay. Nay bà Nguyễn Thị H1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H2.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Văn H2 không có con chung với nhau.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

- **Đối với bị đơn – Ông Trần Văn H2**.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn H2 không đến Tòa làm việc cũng không trình bày ý kiến của mình mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn H2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu ly hôn, ông Trần Văn H2 không đến Tòa trình bày ý kiến. Xem xét tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Văn H2 thấy rằng mâu thuẫn giữa ông bà không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H1. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật; Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn H2. Người bị kiện là ông Trần Văn H2 có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án

nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn ông Trần Văn H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 và bị đơn ông Trần Văn H2 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Trần Văn H2 và bà Nguyễn Thị H1 đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông bà nảy sinh theo như bà H1 trình bày là do bất đồng quan điểm, ông H2 thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, nghe lời người ngoài rồi về nhà kiếm chuyện chửi bới xúc phạm bà, gia đình bà rất thậm tệ nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và ông H2 đã bỏ ra ngoài ở nhà này ít hôm, nhà kia ít bữa, hai người đã không còn sống chung từ tháng 7/2023 đến nay. Quá trình giải quyết, ông Trần Văn H2 không đến Tòa trình bày ý kiến.

Xem xét tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Văn H2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà H1 và ông H2 đã xảy ra mặc dù ông bà đã tìm nhiều cách hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và thực tế hiện nay, ông bà đã không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Quá trình giải quyết, ông Trần Văn H2 vắng mặt không đến Tòa trình bày ý kiến. Tại phiên tòa ông H2 vẫn vắng mặt, bà H1 có ý kiến vẫn kiên quyết ly hôn, chứng tỏ ông bà không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông bà đã thật sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266, Điều 269 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H1.

Bà Nguyễn Thị H1 được ly hôn với ông Trần Văn H2.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H1 đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0014426 ngày 29.02.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận. Bà Nguyễn Thị H1 đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Hồng Thanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND H;
- THADS H;
- UBND xã Y, HTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.